

Số: 09/2022/QĐST – HNGĐ

K, ngày 06 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị L; sinh năm 1984; HKTT và cư trú tại: Thôn D, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T; sinh năm 1980; HKTT và cư trú tại: Thôn D, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2021. là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị L và Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Phùng Thị L và Anh Nguyễn Thành T thống nhận thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 28/12/2003; Nguyễn Thành Thanh C, sinh ngày 02/3/2007 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 12/9/2012. Hai bên thoả thuận, khi li hôn, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Nguyễn Thành Thanh C và Nguyễn Thành T, chị L cấp dưỡng nuôi con chung mức là 5.000.000 đồng/01 tháng cho cả hai con chung kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Con chung Nguyễn Thị Huyền T đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, Tòa án không giải quyết.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Phùng Thị L và Anh Nguyễn Thành T không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Phùng Thị L tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2020/0072972 ngày 09/12/2021.

T hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X (Số 29/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Quang Trung**